THÔNG TIN AN TOÀN SẢN PHẨM

MAXILITE HI-COVER INTERIOR

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất) : MAXILITE HI-COVER INTERIOR

Ứng dụng sản phẩm : Sơn phủ gốc nước nội thất.

Thông tin chi tiết về nhà cung cấp

CÔNG TY TNHH SƠN AKZO NOBEL VIỆT NAM
ĐT: (84 274) 356 7759
Website: www.dulux.vn
1. Sơn nước:
Sản xuất tại:
BD: Lô E-1-CN
KCN Mỹ Phước 2
Huyện Bến Cát
Tỉnh Bình Dương
2. Bột trét:
Sản xuất tại:
HN: Lô 48, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
HCM: Số 8, Kho Thủ Đức, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức
Thành phố Hồ Chí Minh
3. Sơn dầu Maxilite & Maxilite AC Red Primer
Sản xuất tại:
DN: Đường số 7, KCN Biên Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: (84 251) 393 6389

Địa chỉ email của người chịu trách nhiệm đối với bảng SDS này : info.vn@akzonobel.com

'Số điện thoại khẩn cấp : Số điện thoại khẩn cấp nội địa (24 giờ/mỗi ngày):
1900 555 561

Số điện thoại khẩn cấp dành cho nước ngoài (8:30 - 17:30/T2 - T6):
+84 8 3822 1612

Số điện thoại của phòng dịch vụ khách hàng (8:30 -17:30/ T2 - T6):
+84 8 38221612

Phiên bản : **1.01**

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm : Không phân loại.

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Từ cảnh báo : Không có từ cảnh báo.

Cảnh báo nguy cơ : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Các công bố về phòng ngừa

Tổng quát : P102 - Tránh xa tầm với của trẻ em.
P101 - Nếu cần tư vấn y tế, cần cầm theo bao bì hoặc nhãn sản phẩm.

Ngăn chặn : P262 - Không được tiếp xúc với mắt, da, hoặc trên quần áo.

Phản ứng : P312 - Gọi bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.

Lưu trữ : Không áp dụng.

Xử lý : P501 - Thải bỏ sơn và thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại : Chưa được biết đến

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/pha chế : Hỗn hợp

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt : Rửa sạch mắt ngay lập tức với nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.

Hít phải : Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở. Đưa đi chăm sóc y tế nếu xuất hiện dấu hiệu xấu.

Tiếp xúc ngoài da : Rửa sạch chỗ da bị nhiễm hóa chất với thật nhiều nước. Cởi bỏ quần áo và giày dép dính hóa chất. Đưa đi chăm sóc y tế nếu xuất hiện dấu hiệu xấu.

Nuốt phải : Rửa sạch miệng bằng nước. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Đưa đi chăm sóc y tế nếu xuất hiện dấu hiệu xấu.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Hít phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tiếp xúc ngoài da : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Nuốt phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Tiếp xúc mắt : Không có thông tin cụ thể gì.

Hít phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Tiếp xúc ngoài da : Không có thông tin cụ thể gì.

Nuốt phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.

Điều trị cụ thể : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.

Bảo vệ nhân viên sơ cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích hợp.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp : Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.

Các chất chữa cháy không phù hợp : Chưa được biết đến

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất : Nếu cháy hay đun nóng, áp suất tăng và bình chứa có thể vỡ tung.

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm : Sản phẩm phân hủy có thể tạo ra:
carbon dioxit
carbon monoxit
ôxit kim loại

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách sơ tán tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích hợp.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích hợp. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Không cho những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ vào khu vực. Không nên tiếp xúc hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Cho các nhân viên cấp cứu : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

Đề phòng cho môi trường : Tránh làm lây lan nguyên vật vật liệu bị đổ tràn, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ : Ngăn chặn chỗ rò rỉ nếu như không gây nguy hiểm. Di chuyển các thùng sản phẩm khỏi khu vực tràn đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và bỏ vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng : Ngăn chặn chỗ rò rỉ nếu như không gây nguy hiểm. Di chuyển các thùng sản phẩm khỏi khu vực tràn đổ. Ngăn không cho chảy vào đường cống, rãnh, hệ thống nước ngầm. Vệ sinh và thu gom chất đổ tràn vào hệ thống xử lý nước thải hoặc theo quy trình sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).

Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát : Không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực thao tác, lưu trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và rửa mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo bị dính hóa chất và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8.2 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ : Lưu giữ trong khu vực riêng biệt và được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10), thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt và kín các thùng đựng cho đến khi mang ra dùng. Các thùng đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng ngăn ngừa rò rỉ. Không chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Không lưu trữ trong các thùng chứa không có nhãn mác. Sử dụng thùng chứa thích hợp để tránh gây ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Không.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp : Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc hơi, màng lọc hay các điều chỉnh kỹ thuật đối với thiết bị trong chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để cởi bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Giặt sạch trang phục có dính hóa chất trước khi dùng lại. Đảm bảo bồn rửa mắt và vòi hoa sen được lắp đặt gần vị trí làm việc.

Bảo vệ mắt : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng hắt vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính an toàn có tấm chắn bên hông.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay : Phải luôn luôn mang bao tay chống hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết.

Bảo vệ thân thể : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào công việc đang thực hiện và các rủi ro có liên quan phải được chuyên gia phê duyệt trước khi thao tác sản phẩm này.

Biện pháp bảo vệ da khác : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

Bảo vệ hô hấp : Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác.

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Điều kiện đo lường của tất cả các đặc tính là ở điều kiện nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn trừ khi có quy định khác.

Bề ngoài

Trạng thái vật lý : Chất lỏng.

Màu sắc : Màu trắng.

Mùi : Không có sẵn.

Ngưỡng về mùi : Không có sẵn.

pH : 9 [DIN EN 1262]

Điểm chảy/điểm đông : Không có sẵn.

Điểm sôi, điểm sôi ban đầu, và dải sôi : 100°C (212°F)

Điểm bùng cháy : Cốc đậy kín: 999°C (1830.2°F) [Pensky-Martens]

Khả năng cháy : Không có sẵn.

Giới hạn nổ trên và dưới/giới hạn cháy : Không có sẵn.

Áp suất hóa hơi :

Tên thành phần nguy hiểm	Áp suất hơi ở 20°C			Áp suất hơi ở 50°C		
	mm Hg	kPa	Phương pháp	mm Hg	kPa	Phương pháp
vinyl axetat	84.76	11.3				
water	23.8	3.2				
glyoxal	15.15	2	EU A.4			
glyoxal	15.15	2	EU A.4			
2-methoxyethanol	6.23	0.83				
2-methoxyethanol	6.23	0.83				
2-ethoxyethanol	3.75	0.5				
2-amino-2-methylpropanol	0.34	0.045	ASTM E 1194			
2-(2-methoxyethoxy)ethanol	0.22	0.029				
propane-1,2-diol	0.15	0.02	EU A.4			
etylen glycol	0.09	0.012				
Distillates (petroleum), solvent-refined heavy paraffinic	<0.08	<0.011	ASTM D 5191			
Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic	<0.08	<0.011	ASTM D 5191			
2,2' -oxybisethanol	0.01	0.0013				
2,6-di-tert-butyl-p-cresol	0.01	0.0013				
C(M)IT/MIT(3:1)	0	0				
bronopol (INN)	0	0		0	0	

Mật độ hơi tương đối : Không có sẵn.

Mật độ : 1.266 g/cm³ [DIN EN ISO 2811-1]

(Các) độ tan :

Môi trường	Kết quả
nước lạnh	Dễ dàng hòa tan [OESO (TG 105)]

Hệ số phân chia nước/Octanol : Không áp dụng.

Nhiệt độ tự cháy :

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Tên thành phần nguy hiểm	°C	°F	Phương pháp
2-(2-methoxyethoxy)ethanol	215	419	DIN 51794
2,2' -oxybisethanol	229	444.2	DIN EN 14522-S
2-ethoxyethanol	235	455	EU A.15
glyoxal	285	545	DIN 51794
2-methoxyethanol	285	545	
glyoxal	285	545	DIN 51794
2-methoxyethanol	285	545	
propane-1,2-diol	371	699.8	
Cellulose, 2-hydroxyethyl ether	380	716	
etylen glycol	398	748.4	
vinyl axetat	402	755.6	
2-amino-2-methylpropanol	438	820.4	ASTM D 2161

Nhiệt độ phân hủy : Không có sẵn.

Tính dẻo : Động lực học: 1264 mm^2/s (1264 đơn vị cSt) [DIN EN ISO 3219]

Đặc tính hạt

Kích thước hạt trung bình : Không áp dụng.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.

Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

Khả năng gây các phản ứng nguy hại : Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.

Tình trạng cần tránh : Không có thông tin cụ thể gì.

Các vật liệu không tương thích : Không có thông tin cụ thể gì.

Sản phẩm phân rã có mối nguy : Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm phân hủy nguy hiểm.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Không có sẵn.

Kích ứng/Ăn mòn

Không có sẵn.

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Tính đột biến

Không có sẵn.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tính gây ung thư

Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Hít phải	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tiếp xúc ngoài da	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Nuốt phải	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

Tiếp xúc mắt	:	Không có thông tin cụ thể gì.
Hít phải	:	Không có thông tin cụ thể gì.
Tiếp xúc ngoài da	:	Không có thông tin cụ thể gì.
Nuốt phải	:	Không có thông tin cụ thể gì.

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có thể gặp	:	Không có sẵn.
Các tác dụng chậm có thể gặp	:	Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp	:	Không có sẵn.
Các tác dụng chậm có thể gặp	:	Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Không có sẵn.

Tổng quát	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính đột biến	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Độc tính sinh sản	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các số liệu đo lường độ độc

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

N/A

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính

Không có sẵn.

Độ bền và khả năng phân hủy

Không có sẵn.

Khả năng tồn lưu

Không có sẵn.

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (K_{OC}) : Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không thể tái chế được bởi nhà thầu xử lý có giấy phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Các thùng rỗng hay lớp lót có thể còn tồn đọng cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan nguyên vật vật liệu bị đổ tràn, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG
Số UN	Không quy định.	Không quy định.
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	-	-
Nhóm vận chuyển nguy hại	-	-
Quy cách đóng gói	-	-
Mối nguy cho môi trường	Không.	Không.

Thông tin bổ sung

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

IMDG : **Danh mục cấp cứu** Không áp dụng.

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO : Không có sẵn.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các quy định riêng về an toàn, y tế và môi trường cho sản phẩm : Luật Hóa chất 06/2007/QH12
Thông tư 32/2017/TT-BCT về Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP

Nghị Định Số: 113/2017/NĐ-CP - Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Tên thành phần nguy hiểm	%	Số lượng báo cáo
vinyl axetat	≤0.1	Số lượng báo cáo: 10000 kg

Phân loại chất độc (TCVN 3164-79) : 4

Quy định quốc tế

Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học các chất hóa học theo các lịch trình I, II, III

Không liệt kê.

Nghị định thư Montreal

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Không liệt kê.

Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiểu Biết Trước (PIC)

Không liệt kê.

Nghị định thư UNECE Aarhus về PÓP và các kim loại nặng

Không liệt kê.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Lịch sử

Ngày in : 22 Tháng Hai 2023

Ngày phát hành/ Ngày hiệu chỉnh : 21 Tháng Hai 2023

Ngày phát hành lần trước : 5 Tháng Hai 2023

Phiên bản : 1.01

Bảng từ viết tắt : ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
BCF = Hệ số nồng độ sinh học
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
HMIS = Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
IBC = Côngtenơ khổ trung
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
N/A = Không có sẵn
NFPA = Hiệp Hội Bảo Vệ Hỏa Hoạn Quốc Gia (Hoa Kỳ)
SGG = Nhóm Phân tách
UN = Liên hợp quốc

Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

Phân loại	Cơ sở lý luận
Không phân loại.	

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

GHI CHÚ QUAN TRỌNG Thông tin ở bảng dữ liệu này không thể đề cập hết mọi khía cạnh và dựa trên hiểu biết hiện tại của chúng tôi và dựa trên luật pháp hiện hành; bất kỳ ai sử dụng sản phẩm này cho mục đích khác đã được kiến nghị ở bảng dữ liệu kỹ thuật mà không có sự xác nhận bằng văn bản của chúng tôi trước khi sử dụng như tính phù hợp của sản phẩm cho mục đích ban đầu thì phải chịu rủi ro cho mình. Trách nhiệm của người sử dụng là luôn luôn thực hiện các bước cần thiết để đáp ứng các yêu cầu và quy định của luật địa phương. Luôn đọc bảng dữ liệu an toàn nguyên vật liệu và bảng dữ liệu an toàn kỹ thuật về sản phẩm này. Tất cả các lời khuyên hoặc các báo cáo được đưa ra ở đây hoàn toàn đúng theo hiểu biết của chúng tôi, tuy nhiên chúng tôi không thể kiểm soát hơn nữa về chất lượng hay điều kiện của chất nền hay các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm và ứng dụng của sản phẩm. Vì vậy, chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng của sản phẩm hay bất cứ tổn thất hay hư hỏng phát sinh trong quá trình sử dụng sản phẩm trừ khi chúng tôi có sự đồng ý rõ ràng bằng văn bản. Tất cả sản phẩm đã cung cấp và các khuyến cáo về kỹ thuật được đưa ra dựa trên các tiêu chuẩn và điều kiện kinh doanh của chúng tôi. Bạn nên có bản sao của tài liệu này và xem xét nó cẩn thận. Thông tin được mô tả ở bảng dữ liệu này có thể được điều chỉnh theo thời gian tương ứng kinh nghiệm và chính sách cải tiến liên tục của chúng tôi. Trách nhiệm của người sử dụng là phải xác minh các thông tin an toàn dữ liệu này và đảm bảo chúng đang hiện hành trước khi sử dụng sản phẩm.

Các tên nhãn hiệu được đề cập trong bảng dữ liệu này là thương hiệu của hoặc được cấp phép cho AkzoNobel.

Văn phòng chính
AkzoNobel Decorative Coatings BV, Christian Neefestraat 2, 1077 WW Amsterdam, Hà Lan